TÀI LIỆU GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT HỘ TỊCH SỐ 03/2026/QH16

Luật Hộ tịch được Quốc hội khóa XVI thông qua tại Kỳ họp thứ Nhất, ngày 23/4/2026. Luật sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/3/2027.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng nhấn mạnh chủ trương *"dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng";* định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2025-2030 là: *"Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước…".*

Các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy trong thời gian qua có tác động trực tiếp đến mô hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch; đồng thời, yêu cầu đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; kết nối, chia sẻ, khai thác các Cơ sở dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu đòi hỏi phải có các quy định mới phù hợp.

2. Cơ sở thực tiễn

Qua 10 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch năm 2014, công tác đăng ký, quản lý hộ tịch có những bước chuyển biến tích cực, hoạt động nền nếp, hiệu quả; các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch liên tục được hoàn thiện; hệ thống cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch được củng cố, kiện toàn; Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (CSDLHTĐT) được xây dựng, hoàn thiện, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (CSDLQGVDC), bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành khác, phục vụ đăng ký hộ tịch, quản lý nhà nước về dân cư, an sinh xã hội… Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của công cuộc cải cách tư pháp, cải cách hành chính, tổ chức, sắp xếp lại bộ máy, đẩy mạnh chuyển đổi số, cho thấy còn các quy định pháp luật hộ tịch đã phát sinh một số hạn chế, bất cập.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế, thỏa thuận song phương và đa phương liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, đặc biệt là quyền được đăng ký khai sinh, xác định tình trạng nhân thân và công nhận giấy tờ hộ tịch có yếu tố nước ngoài. Với xu thế chuyển đổi số mạnh mẽ trong quản trị quốc gia, nhiều quốc gia đã và đang áp dụng mô hình quản lý, đăng ký hộ tịch điện tử, liên thông, kết nối và chia

sẻ dữ liệu xuyên biên giới, cần thiết phải có các quy định mới xác định rõ giá trị pháp lý của dữ liệu, giấy tờ hộ tịch điện tử, bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong các quan hệ dân sự, hành chính có yếu tố nước ngoài.

Luật Hộ tịch năm 2026 được xây dựng nhằm thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, khắc phục những vướng mắc, bất cập, nội dung không còn phù hợp, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn mới là rất cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc ban hành Luật Hộ tịch năm 2026 thay thế Luật Hộ tịch năm 2014 nhằm:

a) Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật Hộ tịch năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; phù hợp với việc tổ chức, sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, tạo cơ sở pháp lý ổn định cho hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch;

b) Đẩy mạnh việc hiện đại hóa, chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đăng ký, quản lý hộ tịch, tạo thuận lợi nhất cho người yêu cầu đăng ký hộ tịch;

c) Tăng cường đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính (TTHC), giảm chi phí thực hiện TTHC, thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đăng ký hộ tịch trực tuyến toàn trình;

d) Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, thông suốt giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc chia sẻ dữ liệu, kết nối liên thông để đăng ký, quản lý hộ tịch.

2. Quan điểm ban hành Luật

a) Tiếp tục thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền, tổ chức, sắp xếp bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; đổi mới tư duy công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế.

b) Bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với các quy định của Hiến pháp và các luật liên quan (Bộ luật Dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Quốc tịch Việt Nam, Luật Căn cước...).

c) Kế thừa, phát triển những quy định đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn; sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật hộ tịch có vướng mắc, không còn phù hợp, kịp

thời giải quyết những vấn đề bất cập phát sinh trong thực tế, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân, cơ quan đăng ký hộ tịch.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đăng ký, quản lý hộ tịch, tăng cường thông tin, phối hợp liên ngành và chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp.

đ) Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành quy định để bảo đảm linh hoạt, kịp thời, phù hợp với thực tiễn.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Luật Hộ tịch quy định về hộ tịch, đăng ký hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch.

b) Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi là Cơ quan đại diện), cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch ở trung ương, cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch ở địa phương.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thi hành pháp luật về hộ tịch.

2. Bố cục

Luật Hộ tịch gồm 4 Chương, 30 Điều, cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung gồm 14 điều, từ Điều 1 đến Điều 14.

- Chương II: Đăng ký hộ tịch gồm 02 mục, 09 điều, từ Điều 15 đến Điều 23.

- Chương III. Cơ sở dữ liệu hộ tịch gồm 04 điều từ Điều 24 đến Điều 27.

- Chương IV. Điều khoản thi hành gồm 03 điều, từ Điều 28 đến Điều 30.

3. Nội dung cơ bản của Luật

Luật Hộ tịch năm 2026 đã tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi toàn diện hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch theo mô hình quản lý hiện đại, số hóa, liên thông và phục vụ. Cụ thể:

a) Tất cả sự kiện, thông tin hộ tịch trong nước được đăng ký tại Ủy ban nhân dân cấp xã, không phụ thuộc nơi cư trú, địa giới hành chính.

Nhằm bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện chủ trương chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi nhất – lấy người dân làm trung tâm trong giai đoạn hiện nay, Điều 8 Luật Hộ tịch quy định:

"*1. Ủy ban nhân dân cấp xã không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này.*

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền ký giấy tờ hộ tịch. Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được ủy quyền ký giấy tờ hộ tịch theo quy định, trừ các loại giấy tờ hộ tịch sau đây:

a) Giấy khai sinh;

b) Giấy chứng nhận kết hôn;

c) Giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài.

3. Cơ quan đại diện đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch quy định tại Điều 4 của Luật này cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

4. Cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch đang lưu giữ sổ hộ tịch giấy có trách nhiệm cập nhật vào sổ hộ tịch giấy các thay đổi thông tin của cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật này".

Việc phân quyền đăng ký hộ tịch triệt để cho Ủy ban nhân dân cấp xã thuận lợi cho cả cơ quan đăng ký hộ tịch, người dân yêu cầu thực hiện đăng ký hộ tịch, tránh tình trạng đăng ký sai thẩm quyền, ảnh hưởng đến công tác quản lý, uy tín về giá trị giấy tờ hộ tịch, quyền, lợi ích hợp pháp của người dân. Theo quy định của Luật, người dân có thể yêu cầu đăng ký các sự kiện, thông tin hộ tịch tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào mà không phụ thuộc nơi cư trú hoặc địa giới hành chính. Quy định này xuất phát từ yêu cầu thực tiễn hiện nay khi nhu cầu học tập, lao động, cư trú của người dân ngày càng linh hoạt, không còn bó hẹp trong phạm vi địa phương nơi đăng ký thường trú. Trước đây, nhiều trường hợp người dân phải quay trở về địa phương nơi cư trú hoặc nơi đã đăng ký hộ tịch trước đó để thực hiện thủ tục, gây tốn kém thời gian, chi phí và phát sinh không ít khó khăn. Với quy định mới, người dân có thể lựa chọn nơi thuận tiện nhất để thực hiện thủ tục hành chính, đặc biệt là người lao động, sinh viên, người làm việc xa quê hoặc thường xuyên di chuyển.

Để tạo thuận lợi, bảo đảm thời hạn giải quyết TTHC trong lĩnh vực hộ tịch, khoản 2 Điều 8 Luật Hộ tịch quy định: Chủ tịch UBND cấp xã được ủy quyền (cho người thực hiện công tác hộ tịch) ký một số giấy tờ hộ tịch, trừ Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, giấy tờ hộ tịch trong trường hợp đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài - do đây là những giấy tờ hộ tịch thiết yếu, quan trọng, người dân thường sử dụng các giấy tờ này tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài, cần có kiểm soát chặt chẽ hơn.

Về đăng ký, quản lý hộ tịch tại Cơ quan đại diện, Luật giao Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết nhằm bảo đảm phù hợp với tính chất đặc thù của công tác hộ tịch ở nước ngoài, gắn với hoạt động lãnh sự, quan hệ với pháp luật nước sở tại và điều kiện thực tiễn khác nhau giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ.

b) Đơn giản hóa mạnh mẽ thủ tục đăng ký hộ tịch theo hướng tăng cường đăng ký trực tuyến, liên thông dữ liệu, giảm giấy tờ, xác lập giá trị pháp lý của dữ liệu hộ tịch điện tử, xác định nguyên tắc "người dân chỉ cung cấp thông tin một lần", các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chủ động khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đã có để giải quyết thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân.

Thứ nhất, thực hiện chủ trương tại Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, quy định của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Hộ tịch năm 2026 quy định 10 thủ tục đăng ký hộ tịch, giao Chính phủ quy định 7 thủ tục đăng ký hộ tịch, giảm 22 thủ tục hành chính so với Luật Hộ tịch năm 2014. Bên cạnh đó, Luật Hộ tịch chỉ quy định thẩm quyền, đối tượng, phạm vi của từng thủ tục đăng ký hộ tịch, bao quát các trường hợp đăng ký hộ tịch (bao gồm các trường hợp thông thường, đặc biệt, đăng ký hộ tịch trong nước và có yếu tố nước ngoài, đăng ký hộ tịch cho đối tượng yếu thế). Các quy định cụ thể về thành phần hồ sơ, thời hạn, trình tự, thủ tục đăng ký hộ tịch - là những nội dung dễ thay đổi, biến động, Luật giao Chính phủ quy định chi tiết, theo nguyên tắc giấy tờ là thành phần hồ sơ thuộc loại giấy tờ/thông tin đã khai thác được trong các cơ sở dữ liệu thì cơ quan đăng ký hộ tịch phải chủ động khai thác, người dân không phải nộp, xuất trình hoặc cung cấp lại, rút ngắn và bảo đảm khả thi về thời hạn giải quyết, trả kết quả đăng ký hộ tịch.

Thứ hai, về phương thức thực hiện thủ tục đăng ký hộ tịch, dù thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ, nhưng Luật vẫn quy định các phương thức thực hiện truyền thống (nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở cơ quan có thẩm quyền, gửi hồ sơ qua hệ thống dịch vụ bưu chính) bởi vì một bộ phận người dân ở địa bàn còn khó khăn về internet, về điều kiện tiếp cận (như hộ nghèo, hộ cận nghèo...) hoặc kỹ năng số còn hạn chế (như đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi...) chỉ có thể thực hiện TTHC theo phương thức truyền thống này. Việc quy định nhiều phương thức là để người dân có nhiều cơ hội lựa chọn và bảo đảm thực hiện quyền của mình tốt nhất. Luật giao Chính phủ quy định chi tiết về đăng ký hộ tịch trực tuyến theo hướng bảo đảm thực hiện đăng ký hộ tịch trực tuyến đối với tất cả các thủ tục, trực tuyến toàn trình đối với hầu hết các thủ tục, trừ thủ tục đăng ký kết hôn, giám hộ - là việc hộ tịch có điều kiện, cần thể hiện rõ sự tự nguyện, khả năng đáp ứng của các bên. Theo đó, Điều 10 Luật Hộ tịch quy định:

"1. Người yêu cầu đăng ký hộ tịch có quyền lựa chọn nộp hồ sơ trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch có thẩm quyền.

2. Thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký khai tử được trả kết quả là bản giấy và bản điện tử.

Thủ tục đăng ký hộ tịch khác được trả kết quả là bản điện tử; kết quả là bản giấy chỉ trả khi người đăng ký hộ tịch có yêu cầu.

3. Người đăng ký hộ tịch lựa chọn nhận kết quả là bản giấy qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch, cơ quan quản lý hộ tịch, trừ trường hợp đăng ký kết hôn thì nhận trực tiếp Giấy chứng nhận kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch".

Thứ ba, Luật bổ sung quy định về tăng cường liên thông thủ tục đăng ký hộ tịch với các thủ tục liên quan, bảo đảm người dân chỉ cung cấp thông tin một lần; cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm khai thác dữ liệu điện tử, tra cứu thông tin trong cơ sở dữ liệu liên quan, phù hợp với mức độ đáp ứng của cơ sở dữ liệu, không yêu cầu người dân phải nộp, xuất trình hoặc tải lên giấy tờ là thành phần hồ sơ, trừ trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác, nhằm thể chế hóa chủ trương cải cách TTHC, tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước, lấy người dân làm trung tâm phục vụ và thúc đẩy chuyển đổi số (khoản 6, 7 Điều 3).

Quy định này cũng góp phần nâng cao trách nhiệm của cơ quan đăng ký hộ tịch trong việc chủ động khai thác dữ liệu, bảo đảm nguyên tắc "cung cấp thông tin một lần", đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

Thứ tư, để phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, Luật quy định Sổ hộ tịch gồm sổ hộ tịch giấy và sổ hộ tịch điện tử được lưu trữ vĩnh viễn để xác nhận, ghi hoặc cập nhật sự kiện, thông tin hộ tịch. Sổ hộ tịch điện tử được lập đối với tất cả các loại việc hộ tịch và chỉ lập sổ giấy đối với việc đăng ký kết hôn để phù hợp với đặc thù, truyền thống: hai bên nam nữ phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để khẳng định sự tự nguyện và trực tiếp ký vào Sổ đăng ký kết hôn, Giấy chứng nhận kết hôn trước sự chứng kiến của đại diện cơ quan đăng ký hộ tịch (Luật Hộ tịch năm 2014 yêu cầu mở sổ giấy đối với tất cả các loại việc về hộ tịch). Quy định này cũng phù hợp với xu hướng chuyển đổi số, tương tự như nhiều nước trong khu vực và trên thế giới (Pháp, CHLB Đức, Nhật Bản, Trung Quốc, hầu hết các quốc gia Đông Nam Á…).

Về giấy tờ hộ tịch, Luật quy định giấy tờ hộ tịch là văn bản pháp lý do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hộ tịch, gồm Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử, văn bản xác nhận hộ tịch, bảo đảm đúng tính chất quan trọng của việc khai sinh, kết hôn, khai tử.

Việc cấp giấy tờ hộ tịch (bản điện tử, bản giấy, bản chính, bản sao) giao Chính phủ quy định cụ thể theo hướng: tất cả các giấy tờ hộ tịch đều cấp bản điện tử; chỉ mặc nhiên cấp bản giấy đối với các giấy tờ hộ tịch thiết yếu, quan trọng

(Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy chứng tử); các loại việc khác sẽ cấp bản giấy khi có yêu cầu của người dân.

c) Chuyển từ phương thức "quản lý thụ động" sang "phục vụ chủ động", với các quy định về đăng ký khai sinh, khai tử chủ động.

Luật bổ sung cơ chế đăng ký khai sinh, khai tử chủ động, đánh dấu bước chuyển từ phương thức "người dân tìm đến cơ quan nhà nước" sang "cơ quan nhà nước chủ động phục vụ người dân". Theo đó, khi dữ liệu từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được kết nối, chia sẻ tự động với hệ thống đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử và đã có đầy đủ thông tin cần thiết, cơ quan đăng ký hộ tịch sẽ chủ động thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ em được sinh tại cơ sở y tế và đăng ký khai tử đối với trường hợp tử vong tại cơ sở y tế.

Trong trường hợp chưa đủ điều kiện để thực hiện đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo cơ chế chủ động do thiếu hoặc chưa cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết, người có trách nhiệm đăng ký vẫn thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh, khai tử theo các phương thức thông thường và trong thời hạn do pháp luật quy định. Quy định này bảo đảm mọi sự kiện hộ tịch đều được đăng ký đầy đủ, kịp thời, đồng thời tạo sự linh hoạt trong quá trình chuyển đổi sang phương thức quản lý, phục vụ người dân trên môi trường số (khoản 3 Điều 15, khoản 3 Điều 20).

Việc quy định đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử theo hướng "chủ động" của cơ quan đăng ký hộ tịch nhằm thể chế hóa chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, lấy người dân làm trung tâm. Việc đăng ký chủ động của cơ quan nhà nước sẽ góp phần bảo đảm đăng ký kịp thời, đầy đủ các sự kiện hộ tịch, giảm gánh nặng thủ tục cho người dân, nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu, đồng thời vẫn bảo đảm trách nhiệm đăng ký của cá nhân trong trường hợp không thực hiện được đăng ký chủ động theo quy định của pháp luật. Luật giao Chính phủ quy định cụ thể về trình tự, thủ tục và lộ trình thực hiện đăng ký khai sinh, khai tử chủ động, bảo đảm thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/01/2031 (khoản 1 Điều 29).

d) Cơ sở dữ liệu hộ tịch được xác định là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

Điều 24 Luật Hộ tịch quy định:

"1. Cơ sở dữ liệu hộ tịch là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, do Bộ Tư pháp quản lý.

2. Việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch phải bảo đảm mở rộng, nâng cấp, phát triển, kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin hộ tịch của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.

3. Cơ sở dữ liệu hộ tịch được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân; chỉ những cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền mới được tiếp cận và khai thác theo quy định của pháp luật".

CSDLHT là cơ sở dữ liệu quốc gia, được xây dựng, quản lý tập trung từ Trung ương đến địa phương do Bộ Tư pháp quản lý; được bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, có khả năng mở rộng, nâng cấp; kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu khác; bảo đảm quyền khai thác thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; bảo đảm lưu trữ đầy đủ thông tin của cá nhân trong các lần thu thập, cập nhật, điều chỉnh. Sử dụng thống nhất thuật ngữ "Cơ sở dữ liệu hộ tịch" để phù hợp với Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử.

Luật giao Chính phủ quy định chi tiết việc cập nhật, thu thập, làm sạch dữ liệu hộ tịch lịch sử, dữ liệu hộ tịch đã được số hóa trước đây; phương thức, trình tự, thủ tục khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch để cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, xác nhận thông tin hộ tịch; xác nhận tình trạng hôn nhân.

Để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý đối với dữ liệu trong CSDLHT, Luật cũng quy định cụ thể về thông tin trong CSDLHT gồm bản quét hoặc bản chụp trang sổ hộ tịch giấy, giấy tờ hộ tịch tương ứng đối với thông tin hộ tịch được số hóa, chuẩn hóa, thu thập theo quy định và các thông tin hộ tịch của cá nhân được xác lập, cập nhật khi đăng ký hộ tịch; các nguồn xác lập thông tin cho CSDLHT (Điều 25). Luật cũng quy định cụ thể việc khai thác thông tin trong CSDLHT, chỉ chính cá nhân có dữ liệu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được khai thác thông tin trong CSDLHT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác chỉ được khai thác thông tin trong CSDLHT nếu có sự đồng ý của cá nhân là chủ thể của thông tin được khai thác, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Đồng thời, để bảo vệ quyền lợi của những trường hợp đặc biệt như người chưa thành niên, người bị mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, Luật cũng quy định cụ thể việc khai thác thông tin của những trường hợp này và việc khai thác thông tin của những người đã bị tuyên bố mất tích, người đã chết.

đ) Luật tiếp tục hoàn thiện các quy định nhằm bảo đảm tốt hơn quyền nhân thân của cá nhân, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

Luật bổ sung quy định về quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Căn cước: *"Công dân Việt Nam, người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam, người không quốc tịch, người nước ngoài có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác"* (khoản 1 Điều 5).

Luật bổ sung quy định về giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch, thông tin hộ tịch, dữ liệu hộ tịch điện tử, trong đó xác định thông tin khai sinh là thông tin hộ tịch gốc của cá nhân; mọi thông tin trong hồ sơ, giấy tờ, cơ sở dữ liệu khác của cá nhân về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; số định danh cá nhân; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với thông tin khai sinh của người đó. Điều 9 của Luật cũng quy định: dữ liệu hộ tịch điện tử bao gồm bản điện tử giấy tờ hộ tịch, dữ liệu trong CSDLHT, có giá trị như giấy tờ hộ tịch bản giấy khi thực hiện TTHC và các giao dịch khác.

Thực tiễn cho thấy, thông tin cơ bản về nhân thân của cá nhân hiện đang được thu thập, sử dụng và lưu trữ phân tán tại nhiều cơ sở dữ liệu khác nhau, trong đó còn tồn tại tình trạng không thống nhất, sai lệch so với thông tin khai sinh, gây khó khăn cho người dân trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và khó khăn cho cả cơ quan nhà nước trong quản lý, khai thác dữ liệu. Việc khẳng định thông tin khai sinh là nguồn dữ liệu gốc, có giá trị pháp lý cao nhất, là căn cứ đối chiếu, chuẩn hóa và đồng bộ các thông tin trong các cơ sở dữ liệu khác không chỉ bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, mà còn đáp ứng yêu cầu xây dựng, vận hành hiệu quả các cơ sở dữ liệu, là yếu tố quyết định hiệu quả của việc liên thông, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

Luật bổ sung quy định đăng ký giám sát việc giám hộ, chấm dứt giám sát việc giám hộ liên quan đến tài sản của người được giám hộ theo hướng không phụ thuộc vào nơi cư trú của cá nhân (khoản 2 Điều 17).

Luật bổ sung quy định cho phép thay đổi thông tin về quê quán trong nội dung đăng ký khai sinh của người thành niên theo yêu cầu của người đó hoặc trong nội dung đăng ký khai sinh của con chưa thành niên theo yêu cầu của cha đẻ, mẹ đẻnhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, khắc phục khó khăn, vướng mắc trong nội dung khai sinh của các đối tượng trẻ em này (Điều 19).

Để bảo đảm thống nhất, đặc biệt là bảo đảm quyền có quốc tịch Việt Nam của trẻ em, điểm b khoản 1 Điều 21 của Luật quy định: trẻ em có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam còn người kia là công dân nước ngoài, được cha, mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt Nam tại thời điểm ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh thì cũng được tiếp nhận, giải quyết.

4. Điều kiện bảo đảm thi hành Luật

- Về nhân lực: Nguồn nhân lực bảo đảm triển khai thi hành Luật là đội ngũ nhân lực hiện tại đang làm công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại cơ quan Trung ương và địa phương. Luật quy định: Người làm công tác hộ tịch gồm người thực hiện công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã; người được giao thực hiện công tác hộ tịch tại cơ quan quản lý nhà nước về hộ tịch ở cấp tỉnh; viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự được giao thực hiện công tác hộ tịch tại Cơ quan đại diện (khoản 12 Điều 2).

Qua hơn 10 năm thi hành pháp luật về hộ tịch, hệ thống cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch từ trung ương đến địa phương đã từng bước được củng cố, kiện toàn; đội ngũ làm công tác hộ tịch cơ bản được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và có kinh nghiệm thực tiễn trong giải quyết yêu cầu đăng ký hộ tịch của người dân. Việc triển khai đăng ký hộ tịch trực tuyến, sử dụng Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử thời gian qua đã góp phần nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và năng lực xử lý công việc trên môi trường số của đội ngũ công chức thực hiện công tác hộ tịch. Mặc dù tại một số địa bàn cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa, điều kiện nhân lực còn khó khăn, nhưng nhìn chung nguồn nhân lực hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức thi hành Luật Hộ tịch năm 2026 và có khả năng tiếp tục thích ứng với yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước trong giai đoạn tới.

Để tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ thực hiện công tác hộ tịch, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được giao, Luật cũng giao Chính phủ chỉ đạo rà soát, kiện toàn đội ngũ người làm công tác hộ tịch; quy định điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác hộ tịch nhằm xây dựng một đội ngũ làm công tác hộ tịch chuyên nghiệp, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật (điểm a khoản 4 Điều 29). Theo đó, điều kiện, tiêu chuẩn của người làm công tác hộ tịch cấp xã sẽ cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tiêu chuẩn chung của công chức, tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, khả năng khai thác, sử dụng CSDLHT, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các tiêu chuẩn khác.

- Về kinh phí, điều kiện bảo đảm: Các cơ quan, đơn vị bố trí kinh phí cho việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật (biên soạn tài liệu, tổ chức hội nghị tập huấn tới cơ quan đăng ký, quản lý hộ tịch và các cơ quan liên quan; tổ chức các hoạt động truyền thông, phổ biến các nội dung mới, quan trọng của Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành tới người dân, cơ quan, tổ chức); tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ thực hiện công tác hộ tịch; xây dựng và triển khai Đề án nâng cấp CSDLHT, bố trí cơ sở vật chất bảo đảm phù hợp với quy định mới của Luật.

Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động nêu trên được cân đối từ ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác; kết hợp với nguồn kinh phí bố trí cho việc xây dựng pháp luật, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo... Việc nhiều nền tảng, cơ sở dữ liệu và hệ thống công nghệ thông tin đã được đầu tư, vận hành trong giai đoạn trước là điều kiện quan trọng giúp giảm áp lực đầu tư mới khi triển khai Luật Hộ tịch năm 2026. Các quy định của Luật chủ yếu kế thừa, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả vận hành hệ thống hiện có, do đó không làm phát sinh yêu cầu quá lớn về kinh phí thực hiện; nguồn lực tài chính hiện nay cơ bản có khả năng đáp ứng yêu cầu tổ chức thi hành luật.

- Về cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật: CSDLHT với cốt lõi là Hệ thống thông tin đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử đã được triển khai thống nhất trên phạm vi

toàn quốc, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cùng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Phần lớn cơ quan đăng ký hộ tịch đã được trang bị máy tính, thiết bị số hóa, đường truyền internet và các điều kiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện đăng ký hộ tịch trên môi trường điện tử. Việc đẩy mạnh chuyển đổi số trong thời gian qua cũng tạo nền tảng quan trọng để triển khai các quy định mới của Luật theo hướng giảm giấy tờ, giảm khâu trung gian và tăng cường khai thác dữ liệu điện tử. Mặc dù vẫn còn sự chênh lệch nhất định về điều kiện hạ tầng giữa các địa phương, song nhìn tổng thể, cơ sở vật chất và hạ tầng kỹ thuật hiện nay cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai thi hành Luật Hộ tịch năm 2026 một cách đồng bộ, thống nhất và hiệu quả.

5. Dự báo tác động chính sách đến người dân và xã hội, những vấn đề cần lưu ý khi thực hiện

Luật Hộ tịch năm 2026 dự kiến sẽ có tác động tích cực, toàn diện đối với người dân và xã hội. Với các quy định về chủ động khai thác, chia sẻ và sử dụng dữ liệu đã có để giải quyết thủ tục hành chính sẽ giúp thay đổi phương thức thực hiện thủ tục hành chính từ chủ yếu dựa trên giấy tờ sang khai thác dữ liệu số, qua đó giảm đáng kể việc người dân phải xuất trình, nộp nhiều loại giấy tờ hoặc đi lại nhiều lần giữa các cơ quan nhà nước. Người dân có điều kiện thực hiện nhiều thủ tục hộ tịch trên môi trường điện tử, không phụ thuộc vào địa giới hành chính hoặc thời gian làm việc trực tiếp của cơ quan nhà nước, từ đó tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội và nâng cao mức độ hài lòng trong tiếp cận dịch vụ công.

Đối với xã hội và công tác quản lý nhà nước, Luật tạo cơ sở để hình thành dữ liệu hộ tịch đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và có khả năng kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Đây là nền tảng quan trọng phục vụ quản lý dân cư hiện đại, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời hỗ trợ việc xây dựng, hoạch định chính sách về dân số, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, bảo hiểm, lao động và các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác. Việc chuẩn hóa, số hóa dữ liệu hộ tịch cũng góp phần hạn chế tình trạng giấy tờ giả, thông tin không thống nhất, giảm tranh chấp liên quan đến xác định nhân thân và tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu triển khai, việc chuyển đổi mạnh sang môi trường điện tử cũng có thể đặt ra một số khó khăn nhất định đối với một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, người dân ở vùng sâu, vùng xa hoặc hạn chế kỹ năng công nghệ thông tin. Do đó, người dân cần chủ động cập nhật, kiểm tra và bảo đảm tính chính xác của thông tin cá nhân, thông tin hộ tịch trong các cơ sở dữ liệu điện tử; thực hiện đăng ký hộ tịch đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định để tránh phát sinh khó khăn trong giải quyết các thủ tục hành chính khác có liên quan. Người dân cũng cần nâng cao ý thức bảo mật thông tin cá nhân, sử dụng đúng các cổng dịch vụ công, hệ thống đăng ký chính thức của cơ quan nhà nước và phối hợp cung cấp, đối chiếu thông tin khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nhằm bảo

đảm dữ liệu hộ tịch được cập nhật chính xác, thống nhất. Đồng thời, trong trường hợp phát hiện sai sót, thiếu thống nhất giữa các giấy tờ hoặc dữ liệu điện tử, người dân cần kịp thời đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, điều chỉnh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong các giao dịch dân sự và thủ tục hành chính.

Yêu cầu cao về bảo đảm điều kiện tổ chức thi hành, đặc biệt là hạ tầng công nghệ thông tin phải được đầu tư đồng bộ, vận hành an toàn, thông suốt, ổn định, liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu đăng ký hộ tịch điện tử, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Về nhân lực, đòi hỏi đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng số và khả năng thích ứng với phương thức quản lý mới; cần có cơ chế bố trí, điều động nhân lực linh hoạt phù hợp với khối lượng công việc thực tế, cùng với chế độ đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ và đãi ngộ tương xứng để bảo đảm chất lượng, tính ổn định và hiệu quả trong tổ chức thi hành Luật.

IV. TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT

Luật giao Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương chủ động chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về thể chế, hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu, nguồn nhân lực và kinh phí để tổ chức thi hành hiệu quả, đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn nhằm bảo đảm các quy định mới của Luật được triển khai đồng bộ, thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Bộ Tư pháp đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành và cơ quan có liên quan thực hiện các các nhiệm vụ sau:

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật, bảo đảm có hiệu lực từ ngày 01/3/2027.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 26/5/2026 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Hộ tịch.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các quy định của Luật Hộ tịch đến người dân, cơ quan, tổ chức.